

ÔN TẬP GIỮA HKI

Câu 1: Chọn khẳng định đúng?

$$\frac{3}{7} \in \mathbb{Q}.$$

$$\frac{1}{2} \in \mathbb{Z}.$$

$$\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}.$$

$$-6 \in \mathbb{N}.$$

Câu 2: Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

$$\mathbb{N}.$$

$$\mathbb{Z}.$$

$$\mathbb{N}^*.$$

$$\mathbb{Q}.$$

Câu 3: Số nghịch đảo của số hữu tỉ $-0,5$ là:

$$0,5.$$

$$-\frac{1}{2}.$$

$$2.$$

$$-2.$$

Câu 4: Khẳng định nào sau đây **sai**?

$$5 \in \mathbb{Q}.$$

$$\frac{-3}{2} \notin \mathbb{Z}.$$

$$1,5 \in \mathbb{N}.$$

$$\frac{-3}{2} \in \mathbb{Q}.$$

Câu 5: Cho các số thập phân sau: $0,12222\dots$; $4,(5)$; $1,21$; $-11,2(312)$. Số thập phân hữu hạn là:

$$1,21.$$

$$0,12222\dots$$

$$4,(5).$$

$$-11,2(312).$$

Câu 6: Trong các số $0,15$; $-1\frac{3}{4}$; $\frac{-6}{-11}$; 0 ; $\frac{-5}{9}$; $\frac{25}{14}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

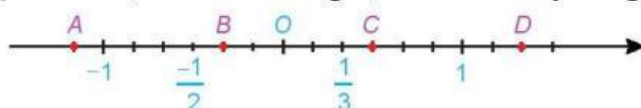
$$1.$$

$$2.$$

$$3.$$

$$4.$$

Câu 7: Quan sát trục số sau. Khẳng định nào sau đây đúng?



Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-3}{2}$.

Điểm B biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-2}{3}$.

Điểm C biểu diễn số hữu tỉ $\frac{1}{2}$.

Điểm D biểu diễn số hữu tỉ $\frac{7}{3}$.

Câu 8: Số nào sau đây viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

$$\frac{3}{4}$$

$$\frac{2}{3}$$

$$\frac{7}{5}$$

$$\frac{9}{8}$$

Câu 9: Giá trị của $\sqrt{49}$ bằng:

$$7.$$

$$-7.$$

$$\pm 7.$$

$$49.$$

Câu 10: Cho số thập phân vô hạn tuần hoàn sau: $4,1232323\dots$. Chu kì của số thập phân vô hạn tuần hoàn trên là:

$$4.$$

$$23.$$

$$123.$$

$$2.$$

Câu 11: Tính $\left(\frac{3}{2}\right)^3$?

$$\frac{9}{6}.$$

$$\frac{27}{8}.$$

$$\frac{27}{6}.$$

$$\frac{9}{8}.$$

Câu 12: Sắp xếp các số hữu tỉ sau: $0; \frac{-3}{4}; \frac{5}{6}$ theo thứ tự tăng dần?

$$0; \frac{-3}{4}; \frac{5}{6}.$$

$$\frac{-3}{4}; \frac{5}{6}; 0.$$

$$\frac{-3}{4}; 0; \frac{5}{6}.$$

$$\frac{5}{6}; 0; \frac{-3}{4}.$$

Câu 13: Kết quả của phép tính $(5^2)^4$ là:

$$5^8.$$

$$5^2.$$

$$5.$$

$$5^6.$$

Câu 14: Các mặt của hình hộp chữ nhật đều là:

Hình vuông.

Tam giác đều.

Hình chữ nhật.

Hình thoi.

Câu 15: Hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$ có $AB = 5 \text{ cm}$. Thể tích của hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$ là :

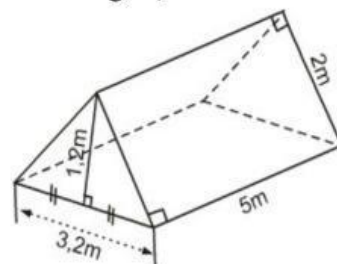
$$15 \text{ cm}^3.$$

$$125 \text{ m}^3.$$

$$15 \text{ m}^3.$$

$$125 \text{ cm}^3.$$

Câu 16: Xác định chiều cao của hình lăng trụ với các kích thước cho như hình sau?



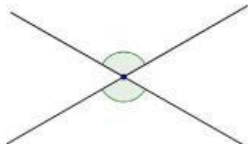
$$1,2 \text{ m}.$$

$$2 \text{ m}.$$

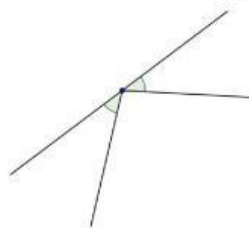
$$5 \text{ m}.$$

$$3,2 \text{ m}.$$

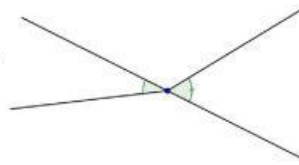
Câu 17: Cho hình vẽ sau, hình nào có cặp góc đối đỉnh?



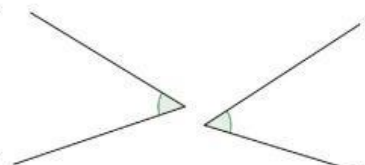
a)



b)



c)



d)

Hình a.

Hình b.

Hình c.

Hình d.

Câu 18: Trong các hình sau, hình nào là hình lập phương?

Hình a



Hình b



Hình c



Hình d



Câu 19. Cho $\widehat{xOy} = 140^\circ$, tia Ot là tia phân giác của góc $\widehat{xOy}$. Số đo góc $\widehat{xOt}$

A. 140° .

B. 75° .

C. 70° .

D. 280° .

Câu 20. Cho hai góc kề bù $\widehat{aOm}$ và $\widehat{bOm}$, $\widehat{aOm} = \frac{1}{3}\widehat{bOm}$. Số đo của góc $\widehat{aOm}$ là

A. 45° .

B. 90° .

C. 135° .

D. 280° .

